

## **CÁC BỘ**

### **BỘ CÔNG AN**

#### **THÔNG TƯ số 10/2002/TT-BCA (A11) ngày 26/8/2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 của Chính phủ về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.**

Ngày 05 tháng 10 năm 2001 Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2001/NĐ-CP về hoạt động tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp. Bộ Công an hướng dẫn thực hiện như sau:

#### **1. Tổ chức lực lượng bảo vệ:**

1.1. Tổ chức lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nằm trong hệ thống tổ chức của các cơ quan, doanh nghiệp. Tùy theo yêu cầu cụ thể để thành lập phòng, ban, đội, tổ bảo vệ trực thuộc văn phòng hoặc phòng hành chính tổng hợp. Tại các Bộ, Ngành chủ quản cần có bộ phận kiêm nhiệm thuộc khối văn phòng để theo dõi, chỉ đạo hoạt động bảo vệ trong phạm vi thuộc Bộ, Ngành mình phụ trách.

1.2. Tổ chức lực lượng bảo vệ tại các đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp tùy theo yêu cầu cụ thể để quyết định cho phù hợp.

#### **2. Quyền lợi, chế độ, chính sách của lực lượng bảo vệ:**

Ngoài chế độ chính sách đối với cán bộ, nhân viên bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nêu tại Điều 9 và Điều 12 Nghị định số 73/2001/NĐ-CP thì:

2.1. Người làm công tác bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp nhà nước trong khi làm nhiệm vụ, dùng cảm đấu tranh với bọn tội phạm bị thương, hy sinh được áp dụng tiêu chuẩn xác nhận là thương binh, liệt sĩ và được hưởng chính sách như thương binh, liệt sĩ quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định số 301/CP ngày 20/9/1980 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ), Điều 3 Mục I Thông tư số 03/TBXH ngày 17/1/1981 và Điều 3 Mục II Công văn số 16/TBXH ngày 14/3/1981 của Bộ Thương binh xã hội (nay là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Thủ tục hồ sơ đề nghị xét, ngoài những thủ tục hồ sơ theo quy định hiện hành cần phải có những giấy tờ sau:

+ Biên bản xảy ra sự việc (khám nghiệm hiện trường).

+ Biên bản xét xử hoặc ý kiến kết luận của cơ quan điều tra, tòa án về mức độ tội phạm của người phạm tội.

+ Nhận xét của thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp đối với người bị thương, hy sinh về ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước kịp thời làm đầy đủ thủ tục, hồ sơ chuyển đến cơ quan lao động, thương binh và xã hội để sớm có quyết định đảm bảo chế độ, quyền lợi cho người bị thương và gia đình liệt sĩ.

2.2. Người làm công tác bảo vệ dưới dạng hợp đồng tuần tra, canh gác tại cơ quan, doanh nghiệp nhà nước và làm công tác bảo vệ tại các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận với người đứng đầu các cơ quan, doanh nghiệp và các tổ chức, đơn vị kinh tế thông qua hợp đồng lao động; được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật.



### 3. Công tác huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ.

3.1. Hàng năm, các cơ quan, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ và thông báo cho cơ quan công an chức năng biết để chủ động phối hợp thực hiện.

3.2. Nội dung huấn luyện lực lượng bảo vệ gồm:

- + Kiến thức cơ bản về pháp luật.
- + Các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ.
- + Sử dụng công cụ hỗ trợ được trang bị cho lực lượng bảo vệ và những động tác tự vệ, bắt giữ tội phạm.

3.3. Quy định phân cấp huấn luyện và cấp giấy chứng nhận cho lực lượng bảo vệ.

+ Lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương do các Cục chức năng thuộc Tổng cục An ninh Bộ Công an tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận.

+ Lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương đã phân cấp cho công an địa phương quản lý; các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Công an tỉnh, thành phố nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận.

3.4. Trách nhiệm phối hợp tổ chức huấn luyện lực lượng bảo vệ:

+ Các Cục chức năng thuộc Tổng cục An ninh, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đảm bảo nội dung, tài liệu huấn luyện, bố trí giảng viên và cấp giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ.

+ Các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu huấn luyện lực lượng bảo vệ chịu trách nhiệm kinh phí huấn luyện, bố trí địa điểm, tổ chức và quản lý lớp học.

### 4. Trang phục và trang bị cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp:

4.1. Lực lượng bảo vệ được cơ quan, doanh nghiệp cấp kinh phí may trang phục và mua các trang bị cần thiết khác phục vụ cho công tác bảo vệ gồm: quần áo (xuân hè, thu đông), mũ kepi, giày...theo quy định sau:

- Trang phục xuân hè:

+ Áo kiểu veston ngắn tay, cổ bẻ, cúc nhựa màu đen (dùng cả cho áo thu đông). Thân trước có túi mang ộp ngoài.

+ Quần kiểu âu phục.

+ Giày da màu đen ngắn cổ, buộc dây.

- Trang phục thu đông:

+ Áo ngoài kiểu veston dựng lót trong, dài tay, cổ bẻ. Thân trước có túi mang ộp ngoài.

+ Bên trong là áo sơ mi màu xanh hòa bình dài tay cổ có chân.

+ Cravat màu tím than.

+ Quần may kiểu âu phục.

+ Giày da màu đen ngắn cổ, buộc dây.

Màu sắc, chất liệu quần áo xuân hè, quần áo ngoài thu đông, mũ do thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp căn cứ tình hình cụ thể của cơ quan, doanh nghiệp mình để quyết định cho phù hợp, nhưng không được trùng lẫn với màu sắc quần áo, mũ của các lực lượng đã được Chính phủ quy định (Công an, Quân đội, Hải quan). Cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo mẫu trang phục bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp mình cho cơ quan công an chức năng và cán bộ, công nhân viên chức trong cơ quan, doanh nghiệp biết. Ngoài ra để đảm bảo điều kiện làm việc, nếu cần thiết lực lượng bảo vệ được cơ quan, doanh nghiệp trang bị mũ bảo hiểm, áo mưa, ủng, đèn pin, băng đỏ...



Định kỳ cấp phát trang phục và trang bị khác cho lực lượng bảo vệ do thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp căn cứ hoạt động cụ thể của lực lượng bảo vệ tại đơn vị mình để quyết định.

4.2. Những cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có nhu cầu cần thiết trang bị vũ khí quân dụng và công cụ hỗ trợ cho công tác bảo vệ thực hiện theo quy định tại điểm g Mục I Điều 8 Chương II và điểm e Mục 1 Điều 38 Chương V Quy chế Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ban hành theo Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ.

4.3. Giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ bảo vệ, sao hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, biểu hiện của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp quy định như sau:

- Giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ bảo vệ:

Giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ bảo vệ được làm bằng giấy cứng khổ 11cm x 8cm. Nền màu vàng nhạt, đường viền và chữ GIẤY CHỨNG NHẬN màu đỏ, các chữ còn lại màu đen.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN	
ảnh 3 x 4	Họ và tên: .....
	Năm sinh: .....
	Quê quán: .....
	Đã học nghiệp vụ bảo vệ cơ quan doanh nghiệp tổ chức tại .....
	từ ngày..... đến ngày.....
Số: .....	Đạt loại.....
	Ngày..... tháng..... năm..... (Cơ quan cấp giấy ký tên, đóng dấu)

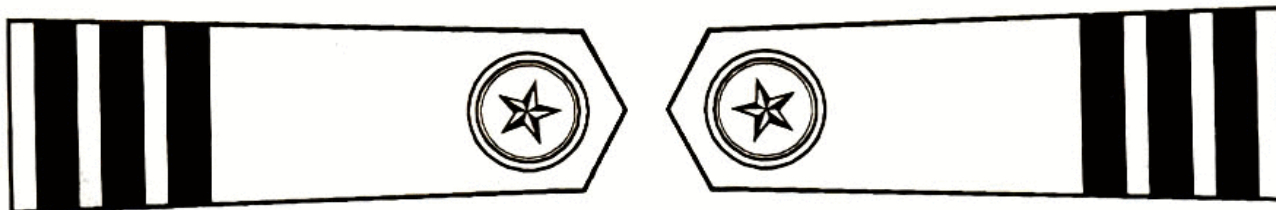
- Sao hiệu bảo vệ: bằng kim loại hình tròn, đường kính 36 mm ở giữa có ngôi sao 5 cánh màu vàng nổi trên nền đỏ, liền với nền đỏ là nền xanh thẫm có hai bông lúa nổi màu vàng bao quanh. Phía dưới ngôi sao có nửa hình bánh xe màu vàng giữa nửa bánh xe có chữ "Bảo vệ". Vành ngoài sao hiệu bảo vệ màu vàng. Sao hiệu bảo vệ khi gắn trên mũ kepi có cảnh tùng kép bằng kim loại màu trắng bao quanh liền thành một khối cao 54 mm, rộng 64 mm:



- Cấp hiệu bảo vệ: cấp hiệu bảo vệ màu tím than, hai cạnh đầu nhỏ và hai cạnh dọc cấp hiệu có viền lé màu vàng. Cúc gắn ở đầu nhỏ có hình ngôi sao 5 cánh xung quanh có đường viền tròn.

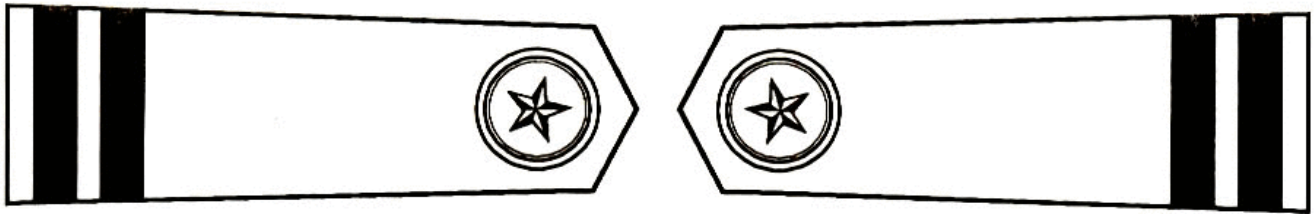
+ Đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước phía cuối nền cấp hiệu có vạch ngang, cấp hiệu phụ trách bảo vệ có ba vạch ngang, bằng sợi nỉ màu vàng rộng 10 mm, vạch nọ cách vạch kia 7 mm, cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc từ 5 năm trở lên có hai vạch ngang bằng sợi nỉ màu vàng rộng 10 mm, vạch nọ cách vạch kia 7 mm. Cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc dưới 5 năm có một vạch ngang bằng sợi nỉ màu vàng rộng 10 mm.

Mẫu cấp hiệu phụ trách bảo vệ:

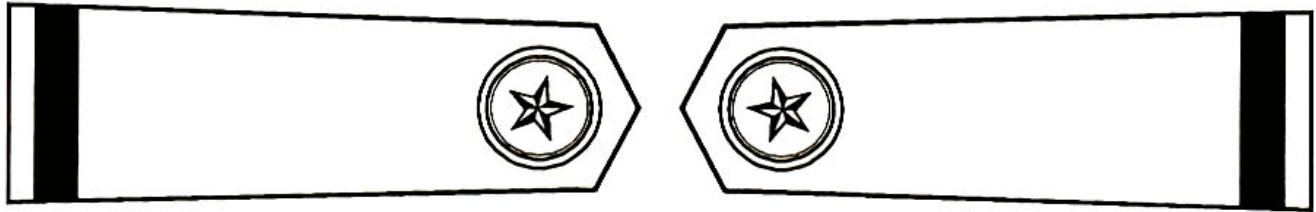


Mẫu cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc từ 5 năm trở lên:

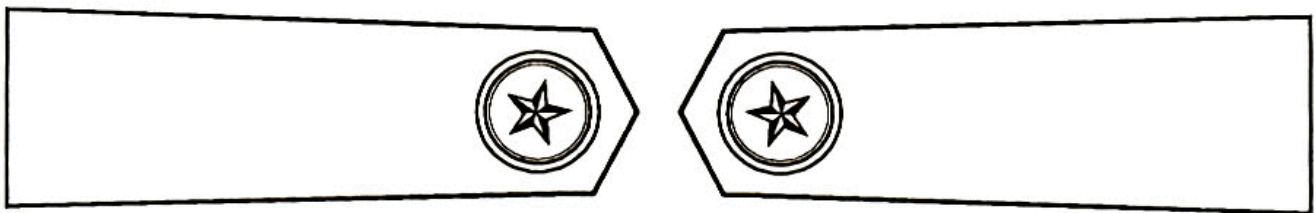




Mẫu cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc dưới 5 năm:

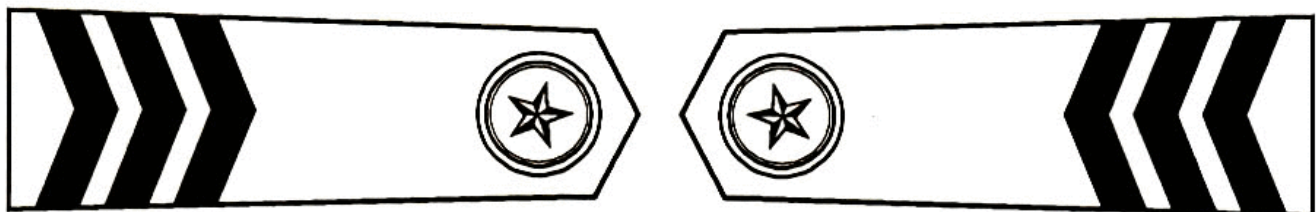


Cấp hiệu nhân viên bảo vệ hợp đồng tại cơ quan, doanh nghiệp nhà nước không có vạch ngang:

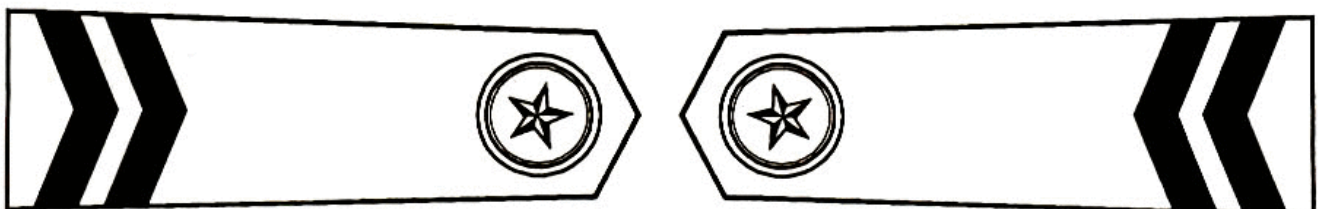


+ Đối với lực lượng bảo vệ tại các đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phía cuối nền cấp hiệu có vạch hình chữ < cấp hiệu phụ trách bảo vệ có ba vạch < bằng nỉ màu vàng rộng 10 mm, vạch nọ cách vạch kia 7 mm. Cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc từ 5 năm trở lên có hai vạch < bằng sợi nỉ màu vàng rộng 10 mm, vạch nọ cách vạch kia 7 mm. Cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc dưới 5 năm có một vạch < bằng sợi màu vàng rộng 10 mm.

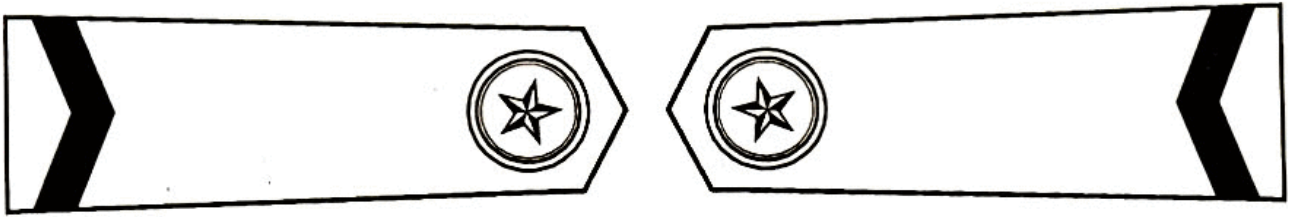
Mẫu cấp hiệu phụ trách bảo vệ:



Mẫu cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc từ 5 năm trở lên:

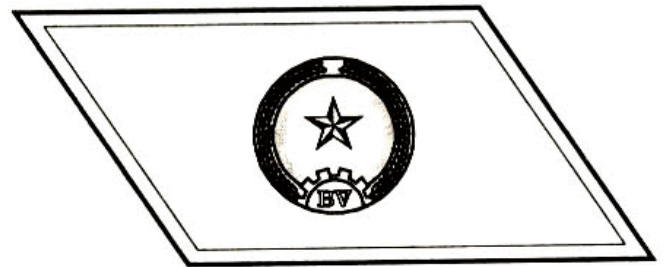
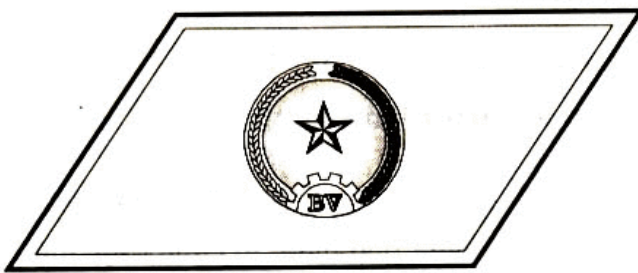


Mẫu cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc dưới 5 năm:



- Phù hiệu bảo vệ:

Phù hiệu bảo vệ hình bình hành 55 mm x 35 mm nền màu tím than, ở giữa có gắn sao hiệu bảo vệ đường kính 18 mm.



- Biển hiệu bảo vệ:

Biển hiệu bảo vệ do các cơ quan, doanh nghiệp thực hiện theo mẫu quy định thống nhất sau:

Biển hiệu bảo vệ được làm bằng giấy cứng, khổ 9 cm x 5,5 cm nền màu vàng nhạt, đường viền, gạch ngang và chữ **BẢO VỆ** màu đỏ, các chữ khác màu đen.

- Phần trên gạch ngang ghi biểu hiện ghi tên cơ quan chủ quản bằng chữ in có chân, dòng bên dưới ghi tên công ty, doanh nghiệp bằng chữ thường đậm.

- Phần dưới gạch ngang trong biển hiệu về phía bên phải là chữ **BẢO VỆ** bằng chữ in có chân, dòng bên dưới ghi họ tên người được cấp biển hiệu bằng chữ in có chân (nhỏ hơn chữ **Bảo vệ**), dòng cuối cùng là "Số hiệu: ghi số của người được cấp biển hiệu. Phía trái dán ảnh (3 x 4) của người được cấp biển hiệu có đóng dấu giáp lai của cơ quan, doanh nghiệp.

Biển hiệu Bảo vệ được nép trong bao Platis màu trong suốt có ghim phía sau để đeo phía trên túi áo ngực trái.

Ví dụ: Biển hiệu bảo vệ của Công ty Cơ khí Thanh Xuân - COMA 12 - Bộ Xây dựng:

<b>BỘ XÂY DỰNG</b> <b>TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG</b> Công ty cơ khí Thanh Xuân - COMA 12	
ảnh 3 x 4	<b>BẢO VỆ</b>  <b>NGUYỄN VĂN A</b>  SỐ HIỆU: 0126

4.4. Cán bộ, nhân viên bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp nếu vì lý do gì thôi không làm công tác bảo vệ nữa thì cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm thu hồi sao hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, biển hiệu của cán bộ, nhân viên bảo vệ đó.

## 5. Tổ chức thực hiện:

- Tổng cục An ninh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định số 73/2001/NĐ-CP tại các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên



quan biên soạn tài liệu huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, in giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ.

- Tổng cục Hậu cần Công an nhân dân chủ trì phối hợp với Tổng cục An ninh sản xuất sao hiệu, cấp hiệu, phù hiệu cho lực lượng bảo vệ theo đề nghị của các cơ quan, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương.

- Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện Nghị định số 73/2001/NĐ-CP tại các cơ quan, doanh nghiệp thuộc địa phương mình quản lý.

- Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Bộ Công an về tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện có điều gì vướng mắc các đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Công an để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công an  
*Thứ trưởng thường trực*

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**QUYẾT ĐỊNH số 2756/2002/QĐ-BGTVT**  
**ngày 29/8/2002 về việc ban hành**  
**Thế lệ báo cáo và điều tra tai nạn**  
**hàng hải.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 12 tháng 7 năm 1990;*

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/3/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế vận tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành Thế lệ báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm phổ biến, tổ chức thực hiện các quy định của Thế lệ này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2002 và thay thế Quyết định số 39/QĐ-PC ngày 03 tháng 1 năm 1974 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thế lệ điều tra và báo cáo tai nạn tàu, thuyền biển, và hủy bỏ các quy định có liên quan đến chế độ báo cáo thống kê tai nạn giao thông đường biển tại Quyết định số 1071/QĐ-PC ngày 26/6/1981 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành chế độ báo cáo thống kê tai nạn giao thông.

**Điều 4.** Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Thủ trưởng các Vụ, Ban tham mưu của Bộ và các chủ tàu thuyền, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải  
*Thứ trưởng*

PHẠM THẾ MINH